

Bản án số: 87/2018/HSST
Ngày 07-06-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA - V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lê Dung

Ông Vũ An Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 06 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2018/HSST ngày 24 tháng 04 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/HSST- QĐXX ngày 24 tháng 05 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 22-02-1993 tại Tây Ninh; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Sơn và bà Trần Thị D; vợ: Đỗ Thị Tr; có một con sinh năm 2016; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 27 tháng 12 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

2. Lê Hoài H, sinh năm 1985 (không xác định được ngày, tháng sinh) tại Tây Ninh; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hiếu N (chết) và bà Lê Thị L; vợ: Trần Thị Kim N; có một con sinh năm 2006; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 27 tháng 12 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

3. Phạm Huy C, sinh ngày 01-09-1991 tại Tây Ninh; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S (chết) và bà Trần Thị N (chết); vợ: Trần Thị Bích Tr; có hai con

sinh năm 2012 và 2017; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 27 tháng 12 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

4. Đỗ Quốc T (tên gọi khác: Cú) sinh ngày 18-01-1992 tại Tây Ninh; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn P và bà Trần Thị G; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 27 tháng 12 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

Bị hại :

1. Phạm Quang K, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số 300 T, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Nguyễn Xuân L, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 39/27/4 T, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Nguyễn Cảnh T, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số E2-4/11 T tâm đô thị Chí Linh, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Thị L, sinh năm 1954; nơi cư trú: Ấp Tân Thuận, xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Đỗ Thị Tr, sinh năm 1995, nơi cư trú: Ấp Xóm Bô, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ trước nên vào ngày 25-12-2017, Phạm Văn T rủ Lê Hoài H, Phạm Huy C, Đỗ Quốc T từ Tây Ninh đến thành phố V giả làm nhân viên của công ty điện lực để thực hiện hành vi lừa đảo. Cả nhóm đồng ý và cùng bàn bạc, phân công vai trò cụ thể: T đi cùng C, T là người trực tiếp nói chuyện lừa dối người dân, C đứng ngoài giữ xe; T đi cùng H, cả hai thay phiên nhau hoặc cùng lúc nói chuyện lừa dối người dân. Khi đến V cả nhóm sẽ chọn địa điểm để thực hiện hành vi lừa đảo là các trường học. Cách thức nói chuyện khi tiếp xúc với người bị hại thì nói bản thân là nhân viên công ty điện lực đến trường để bảo trì điện hoặc thông báo sẽ kiểm tra điện của trường rồi từ đó lừa dối họ bán ổ khóa tặng thang leo điện lực hoặc bán thang leo điện lực tặng ổ khóa (ổ khóa mua giá trị thấp nhưng bán với giá trị cao). Đồng thời các đối tượng cùng thỏa thuận số tiền có được từ việc lừa đảo nói trên sẽ chia cho cả bốn người.

Sau khi cả nhóm thống nhất cùng nhau thực hiện, T trực tiếp đi mua 16 hộp ổ khóa kém chất lượng (bên trong mỗi hộp có 06 ổ khóa, mỗi ổ khóa mua giá 28.000 đồng) tại thành phố Hồ Chí Minh, 04 bộ quần áo (loại quần áo giống của nhân viên công ty điện lực), 01 nón bảo hộ lao động, 02 hộp con dấu có nội dung “ĐÃ KIỂM ĐỊNH XUẤT KHO 375.000Đ” và “ĐÃ THU TIỀN ST:

290.0000” rồi đóng dấu vào các hộp ổ khóa đã mua. Riêng C, T, H mỗi người tự mang theo 02 bộ quần áo giống của nhân viên công ty điện lực và 01 nón bảo hộ lao động.

Ngày 26-12-2017, cả nhóm đi hai xe mô tô từ Tây Ninh xuống thành phố V thuê phòng số 201 tại nhà nghỉ Gia Nguyễn tại Lô 08, Đường 3/2, Phường T, thành phố V. Theo như kế hoạch đã bàn bạc thống nhất trước, cả nhóm cùng mặc đồ đã chuẩn bị trước giả làm nhân viên công ty điện lực thành phố V chia nhau tìm kiếm địa điểm để thực hiện hành vi lừa đảo. C chở T bằng xe mô tô biển số 52T2-8204 mang theo 04 hộp ổ khóa, T chở H bằng xe mô tô biển số 52N3-5112 mang theo 03 hộp ổ khóa.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26-12-2017, T và C đi đến trường tiểu học Bùi Thị Xuân tại Phường 4, thành phố V. Khi đến nơi, C đứng bên ngoài trông xe còn T đi vào gặp thầy Phạm Quang K là hiệu trưởng của trường và nói “báo cáo thầy em tên Thanh, nhân viên của công ty điện lực, bên em đang bảo trì điện cho trường, anh em công ty có dư một cây thang leo của ngành điện lực đề nghị nhà trường mua và tụi em sẽ tặng thêm cho nhà trường 06 ổ khóa”. Để tạo điều kiện cho nhà trường trong việc bảo trì điện sau này nên thầy K đồng ý mua và hỏi giá, T nói “giá là 3.000.000đ”. Thầy K nói chỉ còn 2.000.000 đ, T đồng ý cầm tiền và đưa cho thầy K một hộp ổ khóa (trong có 06 ổ khóa). Trước khi bỏ đi, T nói “thang em để dưới sân trường”. Sau khi T đi, thầy K xuống sân trường thì phát hiện không có thang leo như T nói. Số tiền này T chia cho C, không chia cho T và H.

Chiều ngày 26-12-2017, T và H đi đến trường tiểu học Trương Công Định tại Phường 8, thành phố V. H vào trước gặp hiệu trưởng là thầy Nguyễn Xuân L nói “ Em bên công ty điện lực, bên em đến nhà trường để kiểm tra hệ thống điện, trong quá trình làm, tụi em có dư một số ổ khóa và thang leo bên điện lực cấp nên muốn bán lại cho nhà trường để tụi em kiếm một buổi nhậu”, thầy L đồng ý mua với giá 2.000.000đ. Khi thầy L đã đưa tiền cho H cầm thì T từ ngoài vào nói “anh em làm đồng người nên thầy cho tụi em thêm 4.000.000đ vì thang leo bên điện lực có giá bán cao lắm”, thầy L đưa tiếp 2.150.000đ cho T và H. T và H nói sẽ quay lại đưa thang leo cho thầy L nhưng bỏ đi luôn không quay lại. Số tiền này H chia cho T, C, T mỗi người 1.000.000 đ.

Khoảng 09 giờ ngày 27-12-2017, T, T, C (H không tham gia) giả làm nhân viên công ty điện lực đi trên hai xe mô tô đến trường Nguyễn Huệ tại Phường 10, thành phố V. T vào gặp thầy hiệu trưởng Nguyễn Cảnh T và nói “thầy có nhớ em không, em là học sinh khóa 2008 của trường mình”, T tiếp tục nói “ thứ sáu tuần này ngày 29-12-2017 bên công ty điện lực sẽ kiểm tra đường dây điện của nhà trường”, sau đó T nói chuyện xã giao với thầy T vài câu thì tiếp tục nói “bên em có nhập dư về lô ổ khóa của điện lực, thầy mua ủng hộ cho em một hộp ổ khóa nha”. Do thầy T muốn tạo điều kiện trong việc kiểm tra điện nên đồng ý mua và hỏi giá. T nói một hộp ổ khóa có 10 ổ khóa (nhưng bên trong chỉ có 06 ổ khóa) bán với giá 3.750.000đ nhưng sẽ bán cho thầy T với giá 3.000.000 đ. Lúc này, T từ ngoài đi vào phòng làm việc của thầy T và nói “anh em còn một hộp ổ khóa nữa, thầy mua luôn dùm cho anh em giá 3.500.000đ ”.

Thầy T đồng ý mua và đưa số tiền 3.500.000đ cho T và 3.000.000 đồng cho T. Sau khi nH tiền xong, T và T bỏ đi, để lại hai hộp ổ khóa. Đến cuối giờ làm việc buổi sáng, thầy T mở hai hộp ổ khóa nói trên để kiểm tra thì phát hiện bị lừa dối.

Đến trưa ngày 27-12-2017, hành vi làm giả nhân viên điện lực để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T, C, T, H bị phát hiện. Tại Cơ quan điều tra, T, C, T, H đã khai nH hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên.

Biên bản khảo sát giá ngày 04-01-2018 thực hiện tại Công an thành phố V xác định qua khảo sát thực tế thị trường thì ổ khóa hiệu ZSolex (hàng nhái) bán với giá 20.000 đồng. Do tài sản không có hóa đơn, chứng từ, không có nguồn gốc xuất xứ nên Hội đồng định giá từ chối định giá.

Đối với hành vi T và đồng bọn khai nH đã thực hiện tại tỉnh Sóc Trăng, Cơ quan điều tra đã ban hành Công văn số 1695 ngày 05-02-2018 để các cơ quan chức năng giải quyết theo thẩm quyền. Đối với hành vi T và C khai nH thực hiện lừa bán 06 ổ khóa được 1.000.000 đ tại một trường mầm non vào sáng ngày 26-12-2017, Cơ quan điều tra đã dẫn các đối tượng đi xác nH địa điểm gây án nhưng không xác định được nên chưa đủ căn cứ xử lý.

Bản cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 23-04-2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Phạm Văn T, Lê Hoài H, Phạm Huy C, Đỗ Quốc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo mức án từ 02 đến 03 năm tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nH toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nH Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo T xác định bị cáo H mới là người trực tiếp mua các hộp ổ khóa. Bị cáo H cũng xác định chính bị cáo là người mua các hộp ổ khóa, mỗi ổ khóa mua giá 28.000 đồng tại một chợ ở thành phố Hồ Chí Minh, khi mua ổ khóa thì người bán cho kèm theo 02 hộp con dấu đã có sẵn nội dung “ĐÃ KIỂM ĐỊNH XUẤT KHO 375.000Đ” và “ĐÃ THU TIỀN ST: 290.0000”. Các bị cáo đều xác định cùng nhau bàn bạc thống nhất thực hiện tội phạm, lợi dụng lòng tin và sự thiếu hiểu biết của những người bị hại về các quy định pháp luật cũng như công tác chuyên môn của các cơ quan chức năng khác, thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin giả là công nhân của công ty điện lực đến thực hiện nhiệm vụ tại các trường học nhằm mục đích khiến cho người bị hại tin tưởng, nên khi các bị cáo mời chào mua giúp các hộp ổ khóa và thang của công ty điện lực thì những người bị hại tưởng thật nên đã tự nguyện giao tiền cho các bị cáo giá trị cao hơn nhiều lần so với giá trị thật của tài sản.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được tại hiện trường, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét thấy, trước khi phạm tội, các bị cáo đã có sự câu kết chặt chẽ: Chuẩn bị trước công cụ phạm tội; bàn bạc thống nhất lựa chọn thời gian và địa điểm là các trường học trên địa bàn thành phố V để dễ dàng thực hiện tội phạm và nhanh chóng tẩu thoát, tránh bị phát hiện; sau đó cùng nhau chia tiền tiêu xài. Chứng tỏ các bị cáo đã có sự chuẩn bị tính toán rất kỹ lưỡng với thủ đoạn rất liều lĩnh táo bạo. Bằng thủ đoạn gian dối này, trong hai ngày 26 và 27 tháng 12-2017, các bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ba người bị hại với tổng số tiền 12.650.000 đ. Hành vi các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 (tương ứng điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015).

Xét bị cáo H khi mua các hộp ổ khóa được người bán cho kèm theo 02 hộp con dấu đã có sẵn nội dung “ĐÃ KIỂM ĐỊNH XUẤT KHO 375.000Đ” và “ĐÃ THU TIỀN ST: 290.0000”, chưa đủ yếu tố cấu thành một tội độc lập nên Cơ quan điều tra không xử lý về hành vi làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức là đúng quy định pháp luật.

Xét vai trò các bị cáo trong vụ án: Bị cáo T là người khởi xướng, chủ mưu, trực tiếp thực hiện hành vi; bị cáo H là người trực tiếp chuẩn bị công cụ phạm tội mua các hộp ổ khóa; bị cáo T là đồng phạm giúp sức tích cực, bị cáo C có vai trò cảnh giới, giữ xe ngoài cổng trường sẵn sàng chở đồng bọn tẩu thoát. Xem xét vai trò từng bị cáo, HĐXX sẽ cân nhắc khi lượng hình và xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội và tương ứng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

So sánh thấy tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 về hình phạt đều như nhau, không quy định có lợi cho người phạm tội. Vì vậy, HĐXX quyết định vẫn áp dụng Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 để làm căn cứ quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm tài sản của công dân, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan chức năng, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét các bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của những người bị hại, mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều trị giá từ 2.000.000đ trở lên. Nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú về hành vi phạm tội trước đó. Nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Phạm Quang K yêu cầu bồi thường 2.000.000 đ; Nguyễn Xuân L yêu cầu bồi thường 4.150.000 đ, Nguyễn Cảnh T yêu cầu bồi thường 6.500.000 đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường tài sản bị mất số tiền những người bị hại đã yêu cầu. Các bị cáo xác định tổng số tiền 12.650.000 đ chiếm đoạt của các bị hại, Cơ quan điều tra đã thu hồi.

Xét yêu cầu của các đương sự có căn cứ, sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và các đương sự đúng quy định pháp luật nên công NH sự thỏa thuận này.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 84 ổ khóa hiệu Zsolex, 04 nón bảo hộ lao động, 10 bộ quần áo có logo EVN, 02 hộp dầu; các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- Số tiền 12.650.000 đồng là tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại, nên trả lại 2.000.000 đ cho ông Phạm Quang K, trả lại 4.150.000 đ cho ông Nguyễn Xuân L, trả lại 6.500.000 đ cho ông Nguyễn Cảnh T.

- Xe mô tô biển số 52T2-8204 là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Lê Thị L (mẹ bị cáo H); xe mô tô biển số 52N3-5112 là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị Đỗ Thị Tr (vợ bị cáo T). Bà L và chị Tr không biết các bị cáo lấy xe sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên trả lại xe mô tô biển số 52T2-8204 cho bà Lê Thị L và trả lại xe mô tô biển số 52N3-5112 cho chị Đỗ Thị Tr.

[8] Về án phí : Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Huy T, Lê Hoài H, Đỗ Quốc T, Phạm Huy C phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt Phạm Huy T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2017.

- Xử phạt Lê Hoài H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2017.

- Xử phạt Đỗ Quốc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2017.

- Xử phạt Phạm Huy C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2017.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Trả lại 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho ông Phạm Quang K, trả lại 4.150.000 đ (bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) cho ông Nguyễn Xuân L, trả lại 6.500.000 đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng) cho ông Nguyễn Cảnh T;

- Tịch thu tiêu hủy 84 ổ khóa hiệu Zsolex, 04 nón bảo hộ lao động, 10 bộ quần áo có logo EVN, 02 hộp dầu;

- Trả lại xe mô tô biển số 52T2-8204 cho bà Lê Thị L;

- Trả lại xe mô tô biển số 52N3-5112 cho chị Đỗ Thị Tr.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V quản lý theo Biên bản giao NH vật chứng số: 101/BB.THA ngày 04-05-2018 và Biên lai thu tiền số 0009379 ngày 03-05-2018.

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày NH được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nH:

- TAND tỉnh Bà Rịa – V;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – V;
- Công an tỉnh Bà Rịa – V (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – V;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo